

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG VIẾT BÀI BÁO KHOA HỌC THUỘC LĨNH VỰC XÃ HỘI

Lê Phương Long, Nguyễn Thị Quỳnh Như*, Phạm Thị Triêm
Trường Đại học Lạc Hồng, Số 10 Huỳnh Văn Nghệ, phường Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam
*Tác giả liên hệ: nguyennhu862003@gmail.com

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận: 17/7/2025 Ngày hoàn thiện: 6/8/2025 Ngày chấp nhận: 4/9/2025 Ngày đăng: 15/9/2025	Nghiên cứu này tập trung vào việc khảo sát thực trạng viết báo của sinh viên Khoa Đông Phương học, Trường Đại học Lạc Hồng. Mục tiêu của nhóm tác giả là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng viết bài báo trong lĩnh vực xã hội. Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng phân tích bài báo cho sinh viên, đặc biệt trong các nghiên cứu khoa học. Dữ liệu được thu thập từ 166 sinh viên Khoa Đông Phương và xử lý bằng phương pháp phân tích hồi quy với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy có bốn yếu tố ảnh hưởng tích cực đến chất lượng viết bài báo, bao gồm: Tập huấn (TH), Công bố (CB), Chi phí (CP), và Hải lòng (HL). Từ đó cho thấy, bài báo có khảo sát dữ liệu khả năng chấp nhận bài cao, kinh phí đăng bài được đánh giá là thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà nghiên cứu, đặc biệt là sinh viên và những người mới bắt đầu tham gia vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, các chỉ số về công bố, phí đăng bài, và mức độ hải lòng thúc đẩy mạnh mẽ số lượng bài báo, góp phần nâng cao hiệu quả các bài báo thuộc lĩnh vực xã hội.
TỪ KHÓA NCKH; Công bố bài báo khoa học; TH NCKH; Chất lượng bài báo khoa học.	

FACTORS AFFECTING THE QUALITY OF SCIENTIFIC ARTICLE WRITING IN THE SOCIAL SCIENCES

Le Phuong Long, Nguyen Thi Quynh Nhu*, Pham Thi Triem
Lac Hong University, No. 10 Huynh Van Nghe Str, Buu Long Ward, Bien Hoa, Dong Nai, Vietnam
* Corresponding Author: nguyennhu862003@gmail.com

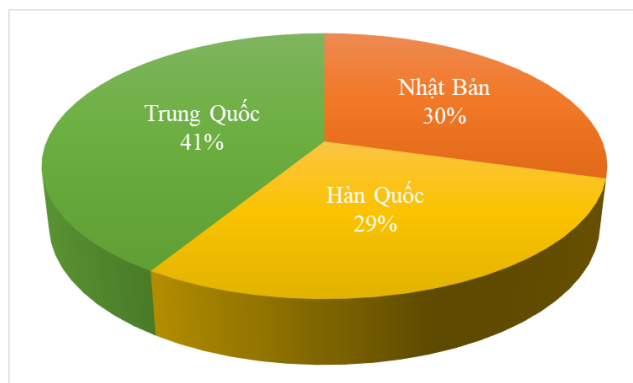
ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: Jul 17 th , 2025 Revised: Aug 6 th , 2025 Accepted: Sep 4 th , 2025 Published: Sep 15 th , 2025	This study focuses on surveying the current state of research paper writing among students of the Department of Oriental Studies at Lac Hong University. The authors' goal is to identify factors influencing the quality of research papers in the social sciences field. Based on the research results, the authors propose several solutions to enhance students' paper analysis skills, especially in scientific research. The data were collected from 166 students in the Department of Oriental Studies and analyzed using regression analysis with the support of SPSS software. The findings indicate four factors that positively affect the quality of research papers: Training (TH), Publication (PB), Cost (C), and Satisfaction (S). The study shows that papers with survey data have a higher acceptance rate, while the cost of publication is considered low, creating favorable conditions for researchers, particularly students and beginners in the scientific research field. Furthermore, indicators related to publication, publication fees, and satisfaction strongly stimulate the number of papers, contributing to the enhancement of research outcomes in the social sciences domain.
KEYWORDS Scientific research; Publish a scientific paper; Scientific research training; Quality of a scientific paper.	

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. GIỚI THIỆU

Khoa học là một quá trình hoạt động có tổ chức nhằm khám phá những tri thức và lý thuyết mới. Những phát hiện này có xu hướng cải tiến, thay thế các kiến thức và học thuyết đã có trước đây, khi chúng tỏ ra ưu việt hơn. Nghiên cứu khoa học (NCKH) bao gồm quá trình khám phá, quan sát và thực hiện các thí nghiệm để hiểu rõ hơn về bản chất của sự việc và hiện tượng. Mục tiêu của hoạt động này là đóng góp những kiến thức mới mẻ cho nền Khoa học và có thể áp dụng vào thực tiễn. Quá trình nghiên cứu diễn ra theo kế hoạch cụ thể, dựa trên việc thu thập, phân tích và đánh giá các dữ liệu một cách hệ thống. [1]

Theo thông tin tạp chí Khoa học của Trường Đại học Lạc Hồng, trong những năm gần đây, hoạt động NCKH của sinh viên (SV) và giảng viên (GV) tại các trường đại học nói chung và Trường Đại học Lạc Hồng nói riêng đang được tích cực đầu tư nhiều với nhiều lĩnh vực khác nhau để cho ra những sản phẩm chất lượng hơn. Hoạt động NCKH của trường được cả GV và SV tham gia. Cho đến hiện tại tạp chí đã xuất bản được 19 số thuộc 4 lĩnh vực: Kinh tế, Khoa học công nghệ, Hóa - Dược và Ngôn ngữ (xã hội). Có tổng cộng 323 bài trong đó khối Kinh tế có 106 bài, khối Khoa học công nghệ và Hóa - Dược có 184, khối xã hội có 33 bài. Theo số liệu trên thì ta thấy bài NCKH của khối xã hội còn nhiều hạn chế về chất lượng viết bài báo. Khối xã hội của Trường Đại học Lạc Hồng gồm có ngành Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Ngôn ngữ Anh. Nhưng trong nghiên cứu này nhóm tác giả chỉ tập trung vào khoa Đông Phương học trong đó có ngành Nhật Bản học, ngôn ngữ Trung Quốc, Hàn Quốc học có 17 bài báo được đăng lên trang tạp chí Lạc Hồng: Nhật Bản 5 bài, Trung Quốc 7 bài, Hàn Quốc 5 bài. Tuy nhiên bài báo xuất hiện trên tạp chí Lạc Hồng thuộc lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều điểm cần cải thiện ở phần cấu trúc bài báo, cách trình bày và phân tích dữ liệu chưa. Chính vì những lý do đó đề xuất một giải pháp nâng cao hiệu quả phân tích và công bố thuộc lĩnh vực này đang được quan tâm.



Hình 1. Thống kê bài báo khoa Đông Phương học

Trong những năm gần đây các bài báo viết về những lễ hội truyền thống, văn hóa của các quốc gia đang được nhiều tác giả quan tâm đến. Các tác giả của Khoa Đông Phương học Trường Đại học Lạc Hồng thường quan tâm đến những lễ hội truyền thống của Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Tác giả đã viết rất nhiều bài về lễ hội truyền thống của ba nước. Với những chủ đề đó Ngành Nhật Bản học cũng được công bố bởi nhiều tác giả.

Tác giả Trần Minh Thùy Dương đã nghiên cứu lễ hội truyền thống của đất nước mặt trời mọc. Ở nghiên cứu này tác giả đã giới thiệu về lễ hội “Kuroshima Tenryo” của Nhật Bản. Bên cạnh đó tác giả đã phân tích những khó khăn trong việc tổ chức lễ hội và cách mà người dân nơi đây giải quyết những khó khăn đó. Tác giả đã đưa ra một số biện pháp khắc phục và dự án hỗ

trợ các lễ hội truyền thống ở Nhật Bản. Kết quả nghiên cứu của tác giả đã giúp cho lớp trẻ tiếp cận và trải nghiệm văn hóa truyền thống, đồng thời cũng đã giải quyết được khó khăn về vấn đề nhân lực trong lễ hội. [2]

Tác giả Văn Tường Vi và cộng sự đã nghiên cứu biểu hiện văn hóa Nhật Bản qua tiếng Nhật thư tín. Nghiên cứu này tác giả tập trung chủ yếu nghiên cứu những biểu hiện của văn hóa Nhật Bản thông qua cách dùng từ ngữ và ngữ pháp thường gặp trong tiếng Nhật thư tín. Kết quả nghiên cứu tác giả cho thấy được sự thấu hiểu văn hoá trong việc sử dụng ngôn ngữ, truyền tải và tiếp nhận thông tin là điều quan trọng. Đồng thời tác giả đã chỉ ra được nét tương đồng giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá Nhật Bản. Đó cũng là một điều thuận lợi khi người Việt học tiếng Nhật. [3]

Xoay quanh những vấn đề về văn hóa xã hội, lễ hội truyền thống và phong tục tập quán ngành Hàn Quốc học Trường Đại học Lạc Hồng cũng đã cho ra những bài báo như là:

Tác giả Phạm Thị Bích Hằng và cộng sự đã so sánh Tết Trung thu của người Việt với lễ Chuseok của người Hàn. Bài nghiên cứu này tác giả đã chỉ ra được những điểm khác và giống nhau của nền văn hóa 2 nước Hàn Quốc và Việt Nam. Từ đó cung cấp cho người học ngôn ngữ những kiến thức cần thiết đến việc học cũng như biết thêm về văn hóa nước Hàn Quốc. [4]

Tác giả Phạm Thị Bích Hằng và cộng sự đã nghiên cứu về một vài đặc điểm văn hóa Hàn Quốc thông qua hình tượng con vật trong thành ngữ - tục ngữ. Bài nghiên cứu này tác giả đã kết hợp các phương pháp liệt kê, phân tích, so sánh, đối chiếu các con vật được miêu tả trong tục ngữ Hàn Quốc nhằm đưa ra một đặc điểm văn hóa Hàn Quốc. Kết quả của bài nghiên cứu tác giả đã cho thấy được sự khéo léo của người Hàn Quốc đưa ra ý nghĩa của các con vật xuất hiện trong các câu thành ngữ và tục ngữ. Cách sử dụng hình ảnh của các con vật để truyền tải những giá trị đạo đức, tính cách, và lối sống của con người. Đồng thời họ còn mượn hình ảnh con vật để truyền tải những kinh nghiệm làm việc. [5]

Ở những nghiên cứu khác của Ngành ngôn ngữ Trung Quốc họ thường viết về văn hóa, giáo dục.

Tác giả Đặng Thục Anh đã nghiên cứu về giá trị tinh thần của hoa Mẫu Đơn trong đời sống tinh thần của người Trung Quốc. Tập trung phân tích đối chiếu các tài liệu liên quan đến ý nghĩa, hình tượng hoa Mẫu Đơn cùng với những tài liệu nghiên cứu khoa học về các đặc điểm, nét đẹp và giá trị của hoa Mẫu Đơn. Qua đó góp phần cho sinh viên có thêm nhiều tài liệu tham khảo và hiểu hơn về văn hoá cũng như đời sống của người Trung Quốc. [6]

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Hậu đã nghiên cứu về đề tài so sánh các ý nghĩa văn hóa được phản ánh qua thành ngữ có sự xuất hiện của “Rồng” trong tiếng Trung và tiếng Việt. Tác giả đã phân tích rõ hình tượng “Rồng” giữa 2 nước được thể hiện trong các câu thành ngữ. Kết quả giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ý nghĩa, đặc điểm, đặc trưng của hình tượng “Rồng”. Điều này cũng giúp ích cho nhiều người Việt đang học tiếng Trung và ngược lại. Tạo cơ hội tiếp xúc thêm nhiều về văn hoá nước bạn. [7]

Tóm lại, các bài báo được công bố trong lĩnh vực xã hội của các tác giả hiện nay chủ yếu tập trung viết về những đề tài lễ hội truyền thống, văn hóa, du lịch. Đa phần họ viết

theo lối so sánh văn hóa giữa quốc gia này và quốc gia khác. Những bài viết về khảo sát và công bố dữ liệu trên Tạp chí Khoa học Lạc Hồng còn ít và thiếu sự đa dạng tính mới mẻ trong lĩnh vực này. Tuy nhiên vẫn có những bài viết theo dạng khảo sát nhưng số lượng bài còn rất ít. Vì thế việc khảo sát, tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bài báo khối xã hội, Trường Đại học Lạc Hồng là rất cần thiết. Kết quả kỳ vọng của nghiên cứu này là tìm ra được các yếu tố ảnh hưởng để khắc phục và đưa ra đề xuất nâng cao chất lượng bài báo làm tăng giá trị cho bài NCKH qua các năm cho khối xã hội của Trường Đại học Lạc Hồng.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

2.1.1 Khái niệm chất lượng viết bài báo khoa học

Chất lượng viết một bài báo khoa học được hiểu là mức độ mà bài báo đó đáp ứng được các tiêu chí của nghiên cứu khoa học, như là nội dung nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu hợp lý, tính sáng tạo, mới mẻ, tính minh bạch và độ tin cậy, kết quả và các luận cứ. Chất lượng viết bài báo khoa học không chỉ được đánh giá qua sự công nhận của cộng đồng học thuật mà còn qua quá trình xét duyệt, chỉ số trích dẫn, và khả năng ứng dụng của các kết quả nghiên cứu vào lĩnh vực chuyên môn.

2.1.2 Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng viết bài báo và giá trị của nghiên cứu.

Tập huấn viết báo: là buổi học nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho SV năm cuối của khoa Đông Phương học (hoặc những SV đạt đủ điểm tham gia) và những bạn có nguyện vọng tham gia NCKH. Trong khuôn khổ buổi học, các SV sẽ được hướng dẫn về cách xác định đúng hướng nghiên cứu cho đề tài, phương pháp viết bài báo khoa học, quy trình gửi bài, và các điểm cần lưu ý khi thực hiện nghiên cứu. Đồng thời, buổi tập huấn cũng giúp các sinh viên nhận diện và khắc phục những lỗi thường gặp trong các bài báo trước đây, từ đó nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu của mình.

Giả thuyết H1: Tập huấn viết báo có tác động tích cực đến chất lượng viết bài báo thuộc lĩnh vực xã hội của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng

Công bố: là quá trình giới thiệu công trình khoa học tới cộng đồng nghiên cứu và làm rõ giá trị của nó. Khi bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học, sinh viên sẽ được ưu tiên xét cấp học bổng, tính điểm rèn luyện, cấp giấy chứng nhận tham gia nghiên cứu khoa học, và có thể được xét tốt nghiệp theo diện đặc cách. Đặc biệt, đối với các đề tài nghiên cứu có giá trị khoa học cao và tính ứng dụng thực tiễn, nếu được đăng tải trên các tạp chí quốc tế, công trình sẽ góp phần làm phong phú kho tàng tri thức của nhân loại, đồng thời lan tỏa kết quả nghiên cứu đến cộng đồng rộng lớn. Việc công bố này không chỉ có ý nghĩa trong việc phát triển khoa học mà còn hỗ trợ cho công việc và sự nghiệp của sinh viên trong tương lai, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp nghiên cứu và phát triển.

Giả thuyết H2: Công bố có tác động tích cực đến chất lượng phân tích bài báo thuộc lĩnh vực xã hội của sinh viên trường Đại học Lạc Hồng.

Chi phí nghiên cứu: đối với NCKH ứng dụng, SV thường phải đầu tư một khoản chi phí nhất định để thực hiện các thí nghiệm, thu thập dữ liệu hoặc sử dụng các công cụ nghiên cứu chuyên ngành. Còn đối với nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội đầu tư chi phí, tài liệu, tạp chí chuyên ngành phục vụ cho nghiên cứu.

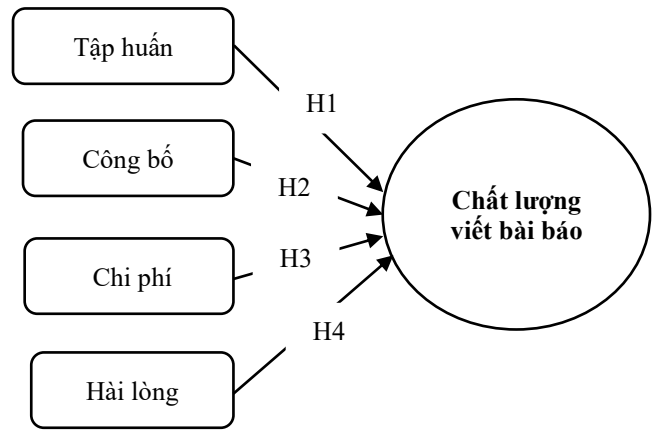
Giả thuyết H3: Chi phí nghiên cứu có tác động tích cực đến chất lượng viết bài báo thuộc lĩnh vực xã hội của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng.

Sự hài lòng của SV: việc công bố công trình nghiên cứu sẽ được ghi nhận và tạo ra giá trị tích cực đối với sinh viên, không chỉ trong quá trình học tập mà còn trong sự nghiệp tương lai. Thành công này không chỉ nâng cao uy tín cá nhân mà còn mở ra cơ hội nghề nghiệp và phát triển lâu dài, đồng thời chứng tỏ năng lực nghiên cứu và đóng góp của sinh viên đối với cộng đồng khoa học.

Giả thuyết H4: Sự hài lòng của SV có tác động tích cực đến chất lượng viết bài báo thuộc lĩnh vực xã hội của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng.

2.2 Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên kết quả các bài báo được đăng trên trang tạp chí Lạc Hồng trước đây, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến bài báo thuộc lĩnh vực xã hội của trường Đại học Lạc Hồng như hình.



(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Hình 2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Xây dựng thang đo và bảng câu hỏi

Từ mô hình lý thuyết và các kết quả nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả sử dụng 15 biến quan sát cụ thể: Tập huấn(4 biến quan sát), Công bố(3 biến quan sát), Chi phí(5 biến quan sát), Sự hài lòng của SV(3 biến quan sát). Thang đo chất lượng viết bài báo dùng trong nghiên cứu này là thang đo likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý → (5) Hoàn toàn đồng ý.

3.2 Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát trực tiếp 166 sinh viên năm 4 khoa Đông Phương học Trường Đại học Lạc Hồng. Số liệu sau đó được nhóm tác giả tổng hợp và phân tích bằng phần mềm SPSS. Số lượng mẫu hoàn toàn phù hợp và phản ánh được tính chất chung cho tổng thể.

3.3 Phương pháp nghiên cứu.

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để phân tích dữ liệu khảo sát từ sinh viên. Các biến thang đo đã được kiểm định bằng chỉ số Cronbach's Alpha để loại bỏ những biến thang đo không đáng tin cậy và đảm bảo tính nhất quán trong cùng một yếu tố. Những biến thang đo đáp ứng yêu cầu sẽ được phân tích EFA để loại bỏ những thang đo không phù hợp hoặc các câu hỏi trùng lặp trong cùng một nhóm câu hỏi. Để kiểm định các

giả thuyết nghiên cứu, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy đa biến nhằm ước lượng giá trị của biến phụ thuộc dựa trên giá trị của các biến độc lập và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu ban đầu đã đặt ra.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1 Kiểm định Cronbach's Alpha

Kiểm tra độ tin cậy để đánh giá độ tin cậy của thang đo, nhóm tác giả đã tiến hành kiểm tra hệ số Cronbach's Alpha và phân tích "Corrected Item-Total Correlation" ở bảng 2 cho từng biến quan sát. Kết quả kiểm tra cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của thang đo đạt trên 0.6 chứng tỏ độ nhất quán nội tại của các biến là chấp nhận được và thang đo có độ tin cậy cao. [8]

Bảng 2. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

Yếu tố	Thang đo	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha
Tập huấn (TH)	TH1	0.507	0.722
	TH2	0.606	
	TH3	0.529	
	TH4	0.405	
Công bố (CB)	CB1	0.756	0.847
	CB2	0.684	
	CB3	0.704	
	CP1	0.797	
Chi phí (CP)	CP2	0.759	0.893
	CP3	0.732	
	CP4	0.708	
	CP5	0.695	
Hài lòng (HL)	HL1	0.513	0.720
	HL2	0.501	
	HL3	0.609	
	CL1	0.514	
Chất lượng (CL)	CL2	0.474	0.734
	CL3	0.705	
	CL4	0.442	

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

4.2 Phân tích nhân tố EFA

- Phân tích EFA cho biến độc lập:

Phân tích EFA được thực hiện sau khi các biến thang đo đã thực hiện kiểm định Cronbach's Alpha.

Bảng 3. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's

Hệ số KMO		0.786
	Chỉ số Chi-Square	979.221
Kiểm định Bartlett's của Sphericity	df	105
	Sig.	0.000

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Từ bảng 3, kết quả kiểm định KMO cho thấy giá trị KMO đạt 0.786 nằm trong phạm vi chấp nhận được cho mô hình ($0.5 < KMO < 1$). Điều này khẳng định rằng phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu đã thu thập. Ngoài ra, thống kê Chi-square từ kiểm định Bartlett có giá trị ý nghĩa là Sig. = 0.000 (sig. < 0.05), chứng tỏ các biến quan sát có mối tương quan với nhau trong tổng thể.

Bảng 4. Kết quả xoay ma trận nhân tố

Thành phần (Component)				
	1	2	3	4
TH2	0.810			
TH3	0.769			
TH1	0.734			
TH4	0.633			
CB1		0.896		
CB3		0.867		
CB2		0.845		
CP1			0.878	
CP2			0.856	
CP3			0.834	
CP5			0.782	
CP4			0.765	
HL3				0.848
HL2				0.747
HL1				0.733

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Kết quả từ Bảng 4 cho thấy tất cả các biến thang đo của các nhân tố đều có hệ số Factor Loading lớn hơn 0.5 và được nhóm thành 4 nhân tố. Các nhân tố này sẽ được sử dụng trong các phân tích tiếp theo. Bên cạnh đó, kết quả

EFA cũng chỉ ra rằng 4 nhân tố TH, CB, CP, HL có giá trị Eigenvalue = 1.537 và tổng phương sai trích đạt 67.019%, tức là 4 nhân tố TH, CB, CP, HL giải thích được 67.019% sự biến thiên của dữ liệu.

- Phân tích EFA cho biến phụ thuộc:

Bảng 5. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's cho biến phụ thuộc

Hệ số KMO		0.741
	Chi số Chi-Square	260.261
Kiểm định Bartlett's của Sphericity	df	6
	Sig.	0.000

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Kết quả từ bảng 5 cho thấy giá trị Sig. = 0.000, nhỏ hơn 0.05, chứng tỏ rằng các biến quan sát có sự tương quan đáng kể trong tổng thể mẫu nghiên cứu. Hệ số KMO cũng cho thấy rằng phân tích nhân tố là phù hợp và có thể tiếp tục. Kết quả phân tích nhân tố EFA chỉ ra rằng Eigenvalue đạt 2.613 vượt qua ngưỡng 1, điều này cho thấy các nhân tố rút ra đóng góp đáng kể vào sự biến thiên của dữ liệu. Hơn nữa, tổng phương sai trích đạt 65.316% vượt qua ngưỡng 50%, cho thấy rằng 65.316% sự biến thiên trong dữ liệu có thể được giải thích bởi một nhân tố duy nhất, chứng tỏ rằng nhân tố này có khả năng tóm tắt thông tin một cách hiệu quả.

Bảng 6. Kết quả xoay ma trận nhân tố biến phụ thuộc

Thành phần (Component)	
	1
CL3	0.914
CL1	0.821
CL2	0.754
CL4	0.730

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

4.2 Kết quả phân tích hồi quy và kiểm định

Sau khi phân tích EFA, nhóm nghiên cứu phân tích hồi quy được thực hiện để đánh giá ảnh hưởng của các biến độc lập bao gồm yếu tố tập huấn, công bố, chi phí và hài lòng lên biến phụ thuộc. Mô hình hồi quy đầu tiên bao gồm cả bốn biến trên để kiểm tra ý nghĩa của chúng.

Bảng 7. Kết quả hồi quy

Model	Hệ số chuẩn hóa	Hệ số chưa chuẩn hóa	t	Sig.	Hệ số VIF
	B	Sai số chuẩn	Beta		
Constant	1.231	0.213	1.082	0.281	

TH	0.345	0.057	0.359	6.080	0.000	0.345
CB	0.151	0.065	0.148	2.329	0.001	0.151
CP	0.234	0.063	0.240	3.717	0.000	0.234
HL	0.240	0.072	0.231	3.345	0.001	0.240

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Kết quả bảng 7 cho thấy tất cả các biến đều tác động tích cực đến chất lượng viết bài báo thuộc lĩnh vực xã hội của sinh viên Trường Đại học Lạc Hồng. Cả 4 biến TH, CB, CP, HL đều có hệ số Sig. nhỏ hơn 5% giữ được ý nghĩa thống kê và có tác động tích cực đến biến phụ thuộc. Trong đó biến TH tác động mạnh mẽ đến chất lượng viết bài báo cho thấy việc tập huấn đóng vai trò quan trọng để nâng cao chất lượng bài báo. Bên cạnh đó biến CP, HL, CP cũng tác động mạnh đến chất lượng bài báo thuộc lĩnh vực xã hội.

Những kết quả này mang lại thông tin quan trọng cho các tác giả nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực xã hội để tập trung và cải thiện các yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng viết bài báo thuộc lĩnh vực xã hội. Bằng cách tăng cường các chương trình tập huấn, khuyến khích và hỗ trợ công bố nghiên cứu, quản lý chi phí hiệu quả và nâng cao mức độ hài lòng.

Kiểm định đa cộng tuyến không phát hiện vấn đề (VIF < 10).

Kết quả mô hình hồi quy được thể hiện lại như sau:

CL = 0,359*TH + 0,148*CB + 0,240*CP + 0,231*HL

Kết quả phân tích cho thấy cả 4 biến đều nằm trong yếu tố quan trọng, có tác động dương và ý nghĩa thống kê đến biến phụ thuộc.

* Kết quả kiểm định hiện tượng tự tương quan:

Bảng 9. Kết quả tóm lược của mô hình Model Summary^b

Model	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số tiêu chuẩn	Hệ số Durbin-Watson
1	0.803 ^a	0.645	0.636	0.37537	1.717

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả)

Bảng 9, cho ta thấy hệ số Durbin-Watson 1.717 cho thấy không có hiện tượng tự tương quan đáng kể trong phần dư của mô hình. Tóm lại, mô hình này có sự phù hợp tốt với dữ liệu và không gặp vấn đề tự tương quan nghiêm trọng.

*Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình:

Mô hình có sự phù hợp tốt với dữ liệu, với R² = 0.645 và R² hiệu chỉnh = 0.636, cho thấy mô hình giải thích được phần lớn sự biến động trong dữ liệu. Sai số tiêu chuẩn thấp (0.37537) cho thấy mô hình có độ chính xác cao.

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý QUẢN TRỊ

5.1 Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng viết bài báo trong lĩnh vực khoa học xã hội chịu ảnh hưởng bởi bốn yếu tố chính: tập huấn, công bố, chi phí và mức độ hài lòng.

Việc đảm bảo triển khai hiệu quả các yếu tố này không chỉ giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu mà còn gia tăng giá trị ứng dụng của các bài báo khoa học.

Trong đó, yếu tố tập huấn đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực chuyên môn, giúp các nhà nghiên cứu tiếp cận và áp dụng hiệu quả các phương pháp phân tích hiện đại. Bên cạnh đó, yếu tố công bố và chi phí ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phổ biến, tiếp cận và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của các nghiên cứu. Cuối cùng, yếu tố hài lòng không chỉ tác động đến động lực cá nhân mà còn góp phần duy trì chất lượng và tính sáng tạo trong nghiên cứu khoa học.

5.2 Hàm ý quản trị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện chất lượng phân tích bài báo trong lĩnh vực khoa học xã hội, bao gồm:

(1) Tăng cường các chương trình tập huấn

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, các cơ quan quản lý và tổ chức khoa học cần tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu về phương pháp phân tích dữ liệu, kỹ năng viết bài báo khoa học và ứng dụng công cụ hỗ trợ nghiên cứu. Đặc biệt, những nhà nghiên cứu mới cần được tiếp cận với các chương trình đào tạo phù hợp để nhanh chóng nâng cao chuyên môn. Bên cạnh đó, việc cập nhật thường xuyên các phương pháp nghiên cứu hiện đại cũng là một giải pháp quan trọng giúp các nhà khoa học bắt kịp xu hướng phát triển trong lĩnh vực của mình.

(2) Khuyến khích và hỗ trợ công bố nghiên cứu

Việc công bố nghiên cứu trên các tạp chí uy tín, đặc biệt là tạp chí quốc tế, đòi hỏi nguồn tài chính lớn. Do đó, cần có chính sách hỗ trợ chi phí công bố nhằm giảm bớt rào cản này. Đồng thời, việc xây dựng nền tảng chia sẻ kinh nghiệm và tư vấn quy trình công bố bài báo sẽ giúp các nhà nghiên cứu nâng cao tỷ lệ chấp nhận và chất lượng các công trình khoa học.

(3) Quản lý chi phí hiệu quả

Một trong những thách thức lớn đối với các nhà nghiên cứu là áp lực tài chính. Vì vậy, cần thiết lập các quỹ hỗ trợ nghiên cứu nhằm giảm bớt gánh nặng này. Ngoài ra, việc xây dựng các giải pháp hợp tác như chia sẻ dữ liệu và công cụ nghiên cứu cũng giúp tối ưu hóa nguồn lực và tiết kiệm chi phí đáng kể.

(4) Nâng cao mức độ hài lòng của nhà nghiên cứu

Môi trường làm việc có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ hài lòng và động lực của các nhà nghiên cứu. Do đó, cần có các chính sách nhằm cải thiện điều kiện làm việc, tạo môi trường nghiên cứu linh hoạt, khuyến khích tư duy sáng tạo và đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ. Bên cạnh đó, việc công nhận và khen thưởng những đóng góp nổi bật trong nghiên cứu sẽ giúp thúc đẩy động lực làm việc, đồng thời tăng cường sự gắn bó của các nhà khoa học với hoạt động nghiên cứu.

Tóm lại, nghiên cứu này không chỉ xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng viết bài báo trong lĩnh vực khoa học xã hội mà còn đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong hoạt động nghiên cứu. Những đề xuất này kỳ vọng sẽ góp phần cải thiện chất lượng viết bài báo khoa học và thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực nghiên cứu xã hội trong tương lai.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Cao Đàm. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1999.
- [2] Trần Minh Thùy Dương. Lễ hội truyền thống Nhật Bản trong bối cảnh hiện đại trong trường hợp lễ hội Tenryo, Tỉnh Ishikawa Nhật Bản 2022, 10, 79-84.
- [3] Văn Tường Vi, Trần Minh Thùy Dương. Biểu hiện văn hóa Nhật Bản qua tiếng Nhật thư tín 2022, 10, 32-35.
- [4] Phạm Thị Bích Hằng, Vũ Thị Thu Hậu, Nguyễn Thị Hoài Thương. So sánh Tết Trung thu của người Việt với lễ Chuseok của người Hàn. 2023, 16, 076-083.
- [5] Phạm Thị Bích Hằng, Nguyễn Nhật Hạ Vi, Nguyễn Thị Diễm Kiều. Nghiên cứu về một vài đặc điểm văn hóa Hàn Quốc thông qua hình tượng con vật trong thành ngữ - tục ngữ. 2022, 10, 59-65.
- [6] Đặng Thục Anh. Nghiên cứu về giá trị tinh thần của hoa Mẫu Đơn trong đời sống tinh thần của người Trung Quốc. 2022, 10, 26-31.
- [7] Lương Văn Huy, Nguyễn Thị Thanh Hậu. So sánh các ý nghĩa văn hóa được phản ánh qua thành ngữ có sự xuất hiện của "rồng" trong tiếng Trung và tiếng Việt 2022, 10, 18-25
- [8] Nguyễn Đình Thọ (2013). Phương pháp nghiên cứu khoa học. NXB Tài Chính, thành phố Hồ Chí Minh.